

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 284/2021/DS-PT
Ngày: 31/5/2021
*Về “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Bình.
- *Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thu Hồng
Ông Đỗ Minh Hoàng
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vương Thùy Dương - Thư ký Tòa án NDTP Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*

Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 31/5/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử công khai phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 125/2021/TLPT-DS ngày 25/3/2021 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2021/QĐXXPT-DS ngày 22/4/2021; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1965. Địa chỉ: Đội 4, tổ dân phố T, thị trấn Đ, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Hà Văn T, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:**

Do có quen biết với anh Hà Văn T, là giáo viên trường cấp 3- PTTH Mỹ Đức B, bà có nhờ anh T xin việc cho con trai bà và ngày bà đã đưa cho anh T số tiền 70.000.000 đồng gọi là tiền thưởng, hai bên lập giấy biên nhận tiền do anh T là người viết giấy, trong đó ghi rõ đến hết ngày 04/01/2018 mà không xin được việc cho con trai bà L thì trả tiền cho bà L. Sau khi nhận tiền, bà gọi điện thoại thì anh T không bắt máy, bà đã trực tiếp gặp nhà trường nơi anh T công tác thì

hai bên có thỏa thuận lại khoản tiền này chuyển thành khoản vay nợ kể từ ngày lập giấy đưa tiền với lãi suất là 2,6%/tháng. Anh T hứa mỗi tháng trả 02 triệu ưu tiên trừ vào lãi trước. Anh T đã trả được 04 tháng = 8 triệu đồng thông qua thủ quỹ của nhà trường sau đó không trả nữa. Vì vậy bà khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh T phải trả cho bà số tiền gốc 70.000.000 đồng và lãi tính từ ngày 04/5/2017 đến ngày 04/11/2020 với lãi suất quá hạn là 2,5%/tháng = 70.000.000 đồng $\times$ 2,5% $\times$ 42 tháng = 73.500.000 đồng. Tổng anh T phải trả bà cả gốc và lãi khoản vay này là 143.500.000 đồng.

Ngày 11/11/2020 bà L có yêu cầu khởi kiện bổ sung đối với anh Hà Văn T thêm 02 khoản vay nữa cụ thể là: Giấy vay tiền ngày 04/4/2017 anh T vay 50.000.000 đồng, giấy vay tiền ngày 04/5/2017 anh T vay 60.000.000 đồng. Cả 02 giấy vay này đều do anh T tự tay viết và ký nhận tiền, trong giấy vay này đều thể hiện lãi suất là 4%/tháng, thời hạn vay là 03 tháng. Hết thời hạn vay anh T cũng không trả gốc và lãi theo thỏa thuận nên bà L có yêu cầu buộc anh T phải trả cả gốc của 02 khoản vay này và lãi suất chỉ yêu cầu mức lãi suất quá hạn 2,5%/tháng $\times$ 44 tháng (từ 04/5/2017 đến 04/12/2020) đối với 02 khoản vay trên.

*** Bị đơn anh T Trình bày:** Khoản vay thứ nhất: Do có nhu cầu vay tiền nên anh T có vay bà L một khoản tiền là 40.000.000 đồng vào cuối năm 2016, hai bên có làm giấy biên nhận với lãi suất là 2%/tháng thời hạn vay là 01 năm, nhưng do khó khăn chậm thanh toán nên đến ngày 04/5/2017, bà L yêu cầu anh T phải viết giấy biên nhận vay 70.000.000, anh T cũng có viết theo ý của bà L. Nay bà L có yêu cầu trả gốc 70.000.000 đồng và lãi là 73.000.000 đồng đối với khoản vay này anh không nhất trí vì thực tế, anh chỉ nợ 40.000.000 đồng gốc với lãi 2%/tháng. Anh đã trả được gốc là 20.000.000 đồng thông qua thủ quỹ của trường trừ vào lương của anh để trả cho bà L và bản thân anh đã trực tiếp trả cho bà L thêm 10.000.000 đồng tiền gốc nữa. Hiện tại do kinh tế khó khăn, số nợ còn lại anh xin trả dần cho bà L.

Đối với 02 khoản theo đơn khởi kiện bổ sung của bà L ngày 11/11/2020 anh T có quan điểm: Đúng là các giấy vay này anh có viết và ký nhận tiền nhưng thực chất anh chỉ vay bà L 01 lần duy nhất với số tiền 40.000.000 đồng vào cuối năm 2016 như anh đã T bày, các giấy vay này là những lần chốt nợ từ giao dịch vay lần đầu và thay thế các giao dịch vay sau khi đã chốt nợ nhưng do chủ quan không yêu cầu bà L đưa lại để hủy đi nên bà L đã giữ lại để khởi kiện anh T thành 03 giao dịch vay tiền. Anh đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật để đem lại công bằng cho anh.

Với nội dung như trên, bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L về việc khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc ông Hà Văn T phải trả bà Hoàng Thị L tổng số

tiền cả gốc và lãi đối với 03 khoản vay ngày 04/5/2017; 04/4/2017 và 04/5/2017 là: **331.500.000** đồng). Trong đó: Nợ gốc: 180.000.000 đồng; Nợ lãi: 151.500.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án cho các đương sự.

Ngày 10/3/2021 bị đơn anh Hà Văn T có Đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm với lý do anh chỉ vay bà L duy nhất 1 khoản tiền là 40.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn có mặt và T bày giữ nguyên quan điểm kháng cáo.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật trong quá T giải quyết vụ án.

Về hướng giải quyết vụ án: sau khi phân tích nội dung, đề nghị HĐXX Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn nộp trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm hợp lệ nên được chấp nhận xem xét.

[2]. Về nội dung :

- Về khoản vay: bà L có yêu cầu khởi kiện 03 khoản vay nợ đối với anh T được lập thành văn bản do anh T tự tay viết, trong đó có 02 giấy viết tay ghi rõ giấy vay tiền, riêng giấy viết tay ghi: “Giấy biên nhận” lập ngày 04/5/2017 với số tiền là 70.000.000 đồng ghi là tiền thưởng do có quan hệ xin việc cho con trai bà L, tuy nhiên sau đó giao dịch này đã được các bên thỏa thuận lại và đều xác nhận đây là quan hệ giao dịch vay tiền. Do vậy Hội đồng xét xử xác định giấy viết tay nhận tiền thưởng lập ngày 04/5/2017 số tiền 70.000.000 đồng là thỏa thuận vay nợ giữa anh T và bà L và được xác định đều là giấy vay nợ có kỳ hạn và có lãi. Thời điểm vay nợ tính từ ngày lập giấy biên nhận.

Xét tính hợp pháp của các giấy vay này, Anh T cho rằng ông chỉ vay 01 lần duy nhất số tiền 40.000.000 đồng, nhưng thông qua các lần chót nợ, không hủy các giấy cũ đi dẫn đến bà L khởi kiện anh số tiền của 03 lần vay =180.000.000 đồng, song anh T lại không chứng minh được việc nhân nhận thực tế của mình. Trong khi đó 03 giấy vay trên đều do tay anh T viết và ký bên

dưới của các giấy vay đã nhận đủ các số tiền. Nên xác định việc khởi kiện của bà L là có căn cứ chấp nhận. Hết thời hạn phải trả tiền trong các giấy vay này, bà L tiến hành đòi nhiều lần, anh T không trả được một khoản nào. Do vậy yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 180.000.000 đồng của bà L được chấp nhận là phù hợp với quy định của Điều 463, Điều 466, Điều 470 BLDS 2015.

- Về lãi suất và tiền lãi: Trong 02 giấy vay tiền của khoản 60.000.000 và khoản 50.000.000 có ghi mức lãi suất là 4%/tháng, đối với giấy biên nhận còn lại lập ngày 04/5/2017 số tiền 70.000.000 đồng không ghi lãi suất, quá T giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận cả 03 khoản vay đều có lãi. Tại phiên tòa bà L có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tính lãi suất trong hạn và quá hạn cho bà theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà L là có căn cứ.

+ Xét lãi khoản vay nợ ngày 04/4/2017 và khoản nợ ngày 04/5/2017: Trong 02 giấy vay các bên có thỏa thuận vay có thời hạn vay với lãi ghi trong giấy vay là 4%/tháng. Xét mức lãi suất này là quá cao so với quy định tại khoản 1 điều 468 BLDS 2015. Nên mức lãi suất trong hạn tối được áp dụng đối với khoản vay này của bà L với anh T tối đa = 20%/năm. Hết thời hạn vay tối đa là 04/3/2018, anh T không trả được đồng gốc và lãi nào nên 02 khoản vay này được chuyển sang lãi quá hạn tối đa = 150% lãi suất trong hạn và bằng 30%/năm kể từ ngày thiết lập giấy vay (bà L yêu cầu tính lãi của 02 khoản vay từ ngày 04/5/2017 đến ngày xét xử làm tròn là 44 tháng, tiền lãi được tính là: $(60.000.000đ + 50.000.000đ) \times 2,5\%/tháng \times 44 tháng = 121.000.000$ đồng lãi ông T phải trả.

+ Xét khoản nhận tiền ngày 04/5/20017 số tiền 70.000.000 đồng được chuyển đổi thành khoản vay nợ với thời hạn phải trả tiền là 04/01/2018 trong giấy nhận tiền này không ghi mức lãi suất thỏa thuận, quá T giải quyết anh T T bày lãi suất 2%/tháng, bà L T bày lãi suất áp dụng với anh T là 2,6%/tháng. Do không thống nhất được mức lãi suất nên cần áp dụng mức lãi suất trong hạn theo khoản 2 điều 468 BLDS với mức lãi suất 10%/năm là phù hợp pháp luật. Hết thời hạn 04/01/2018 ông T không trả gốc và đồng lãi nào nên khoản vay này được chuyển sang lãi quá hạn tối đa = 150% lãi suất trong hạn và bằng 15%/năm (bằng 1.25%/tháng). Kể từ ngày thiết lập giấy vay 04/5/2017. Tính đến ngày xét xử, anh T vi phạm nghĩa vụ trả nợ là 44 tháng (bà L yêu cầu làm tròn) và tiền lãi được tính là: $70.000.000đ \times 1.25\%/tháng \times 44 tháng = 38.500.000$ đồng.

Đối với khoản vay 70.000.000 đồng, anh T T bày đã trả bà L được 30.000.000 đồng gốc nhưng không xuất T tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Vì vậy cần chấp nhận T bày của bà L thừa nhận anh T đã trả được 08 triệu tiền lãi. Số lãi của khoản vay này anh T phải trả là: 38.500.000 đồng – 8.000.000 đồng = 30.500.000 đồng

Tổng nợ lãi của anh T là: 121.000.000+30.500.000đồng = 151.500.000 đồng.

Tổng nợ gốc và nợ lãi anh T phải thanh toán trả bà L là: 180.000.000 đồng + 151.500.000 đồng = 331.500.000 đồng. Buộc anh T phải trả khoản tiền này cho bà L.

Về án phí: Anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 16.575.000 đồng, án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 1.750.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo các biên lai số 0002961 ngày 14/10/2020 và số tiền 3.000.000 đồng của biên lai thu 0003027 ngày 12 tháng 11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Từ những nhận xét nêu trên, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh T kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có căn cứ để chấp nhận

Về án phí DSPT: Ông T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Từ những nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2021/DS-ST ngày 15/01/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội và xử như sau:

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị L về việc khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc anh Hà Văn T phải trả bà Hoàng Thị L tổng số tiền cả gốc và lãi đối với 03 khoản vay ngày 04/5/2017; 04/4/2017 và 04/5/2017 là: **331.500.000** đồng). Trong đó: Nợ gốc: 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng); Nợ lãi: 151.500.000 (một trăm năm mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **16.575.000** đồng, án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 1.750.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002961 ngày 19/10/2020 và số tiền 3.000.000 đồng của biên lai thu 0003027 ngày 12 tháng 11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Anh T phải chịu án 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 đồng dự phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AH/2010/0003171 ngày 5/3/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật để thi hành án kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện Mỹ Đức;
- VKSND TP. Hà Nội
- Chi cục THADSH Mỹ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Bình

CÁC THẨM PHÁN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

